TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 252/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 7 - 2018
V/v Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Hai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

2. Bà Nguyễn Thúy phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thị Mai Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 212/2018/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2018 về việc Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2018/QĐXX-ST ngày 10 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*Anh Nguyễn Văn H (L), sinh năm 1976 (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 10, ấp Hưng H, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn, anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị N do mai mối, kết hôn vào năm 1995, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng kết hôn. Sau khi kết hôn vợ, chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn do chị N luôn nghi ngờ anh không chung thủy, có người phụ nữ khác bên ngoài, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống không còn hạnh phúc. Sau đó, chị N tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân từ hơn 01 năm nay. Trong thời gian này, mặc dù cha mẹ hai bên đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả.

Nay không còn tình cảm với chị N, yêu cầu được ly hôn.

Con chung: Tên Nguyễn Thị Mỹ N, sinh ngày 19/5/1997 đã trưởng thành, tự lập.

Đối với Nguyễn Nhựt H, sinh ngày 20/6/2003 anh đồng ý giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không.

Theo biên bản tự khai, bản hòa giải ngày 02/7/2018 bị đơn, chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh H do cha mẹ nhờ mai mối rồi tổ chức lễ cưới vào năm 1995, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ, chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn do trước khi kết hôn không tìm hiểu nhau kỹ. Cuộc sống vợ, chồng không còn hạnh phúc và đã ly thân từ hơn 01 năm nay. Gia đình các bên nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả.

Nay anh H yêu cầu ly hôn, chị đồng ý và yêu cầu được nuôi con tên Nguyễn Nhựt H, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Đối với Nguyễn Thị Mỹ N đã trưởng thành, tự lập nên không đề cập đến.

Về tài sản và nợ: Không.

Do bận làm ăn, chị yêu cầu vắng mặt cho đến khi Tòa án xét xử xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe lời trình bày của anh Nguyễn Văn H và công bố bản khai của chị Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Các đương sự tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình và bị đơn cư trú tại huyện Phú Tân nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Phú Tân theo khoản 1 Điều 28 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị N có yêu cầu xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị N là do mai mối rồi tiến tới hôn nhân, nhưng không đăng ký kết hôn.

Xét, anh và chị có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng không đăng ký là vi phạm. Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định "…Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý…" nên Toà án không thể hoà giải đoàn tụ được. Do đó, về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ, chồng giữa anh Nguyễn Văn H và chị

Nguyễn Thị N là phù hợp với quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Tên Nguyễn Nhựt H, sinh ngày 20/6/2003 đang sống với chị N để giữ sự ổn định, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với ý chí và nguyện vọng của cháu. Đối với đứa con tên Nguyễn Thị Mỹ N đã tự lập nên không đề cập đến.

[3.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình thì người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng. Tuy nhiên tại phiên tòa, chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng để nuôi con. Đây là sự tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Nếu sau này có tranh chấp về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì Tòa án sẽ xem xét sau.

Trong thời gian nuôi con, chị N phải tạo điều kiện thuận lợi khi anh H đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con, không ai được cản trở.

[3.4] Về tài sản chung: Không.

[3.5] Về nợ phải trả: Các đương sự khai không, vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận, nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Anh H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 51 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa: Anh Nguyễn Văn H (L) và chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung tên: Nguyễn Nhựt H, sinh ngày 20/6/2003 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn H không cấp dưỡng nuôi con.

Việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chưa thành niên không cố định.

Trong thời gian nuôi con, chị N phải tạo điều kiện thuận lợi khi anh H đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ: Không.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí DSST về HNGĐ là 300.000đ. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0016836, ngày 29/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân (anh H đã nộp đủ). Chị Nguyễn Thị N không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được thực hiện quyền này, kể từ ngày Bản án được tống đạt hoặc niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trương Văn Hai